

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 9 - 2020

V/v ly hôn giữa chị L và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hạnh

Ông Lê Văn Viện

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức D, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày: Chị và anh Đỗ Đức D đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D làm xa không chung thủy, đi chơi bởi về thường đánh chửi, không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 11/2019 chị và anh D đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D;

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 05/4/2015; cháu Đỗ Yến N, sinh ngày 25/8/2020 và cháu Đỗ Đức D, sinh ngày 30/10/2016 (đã chết do bị bệnh), hiện các cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi, chăm sóc các con, chị đang làm việc tại Công ty TNHH hai thành viên Kuwahara Việt Nam (Hải Phòng), có trụ sở tại khu công nghiệp Bảo Minh, huyện Vụ Bản thu nhập từ 15-16 triệu đồng/tháng nên không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Đức D đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh D không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị Đỗ Thị L giữ nguyên yêu cầu và quan điểm đã trình bày nêu trên. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D; về con chung: Vợ chồng chị còn 02 con chung, ngày 12/9/2020 anh D về bế cháu Đỗ Anh T đi, hiện chị cũng không biết cháu ở đâu. Khi ly hôn chị đề nghị tòa án giải quyết giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn (chị L) đã thực hiện đúng; phía bị đơn (anh D) đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Đỗ Thị L ly hôn anh Đỗ Đức D. Giao con chung là cháu Đỗ Anh T và cháu Đỗ Yến N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã tiến hành triệu tập anh Đỗ Đức D đến trụ sở để giải quyết việc hôn nhân giữa anh với chị Đỗ Thị L.

Anh D vẫn có hộ khẩu thường trú tại: Xóm, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định, nhưng thường xuyên vắng mặt tại nhà, vì vậy không thể thực hiện việc tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh Đỗ Đức D theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh D vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Đức D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 11 năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh D đã được Tòa án gửi và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không có quan điểm trình bày về việc giải quyết vụ án là thể hiện ý thức bỏ mặc, không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị L và anh D không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Đức D của chị Đỗ Thị L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Các đương sự còn 02 con chung, hiện cháu lớn ở với anh D, cháu nhỏ ở với chị L. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay các con chung còn nhỏ, chị L đang làm việc tại khu công nghiệp Bảo Minh, huyện Vụ Bản có chỗ ở và thu nhập ổn định, chị L có nguyện vọng được nuôi 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng, quá trình giải quyết vụ án anh D vắng mặt không có văn bản nào trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi ly hôn giao cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 05/4/2015 và cháu Đỗ Yến N, sinh ngày 25/8/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh D có trách nhiệm giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Đỗ Đức D.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 05/4/2015 và cháu Đỗ Yên N, sinh ngày 25/8/2020 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có trách nhiệm giao con chung (cháu T) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai số 0000178, ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Anh Dương có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh